TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HOÁ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2026/HS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Trung Tuyến

2. Ông Lê Doãn Quế

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2026/TLST-HS ngày 22/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1054/2026/QĐXXST-HS ngày 17/8/2026, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Hữu H, sinh ngày 14/12/1995 tại xã Y, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 038095034408; con ông Trịnh Hữu Đ, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; có vợ là Bùi Thị T1, sinh năm 1999 và có 01 con; tiền án: 01 (Một), ngày 27/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (nay là TAND khu vực 8 - Thanh Hóa) xử phạt 12 *(Mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ, tại Bản án số 23/2024/HS-ST về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*, bị cáo chấp hành xong bản án ngày 23/4/2025; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/02/2026 đến ngày 06/3/2026 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

2. Trịnh Hữu T2, sinh ngày 08/6/1998 tại xã Y, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 038098005823; con ông Trịnh Hữu H1 (đã chết), con bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án: 02 (Hai), ngày 09/5/2019, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt xử phạt 06 *(Sáu)* năm 06 *(S)* tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* tại Bản án số 106/HS-PT, chấp hành xong hình phạt tù ngày

28/01/2022; ngày 28/5/2024 bị Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá (nay là TAND khu vực 8 - Thanh Hóa) xử phạt 24 *(Hai mươi tư)* tháng tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* tại Bản án số 45/2024/HS-ST, chấp hành xong bản án ngày 01/9/2025; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/02/2026 đến ngày 06/3/2026 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

3. Thiều Văn N, sinh ngày 16/02/2002 tại xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 038202009321; con ông Thiều Nam G, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1981; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/02/2026 đến ngày 06/3/2026 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Quốc V

- Anh Vũ Tuấn L

- Anh Trịnh Văn L1

Cùng cư trú: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Bùi Văn T4

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Trịnh Ngọc N1

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ ngày 24/02/2026, Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma túy phối hợp cùng Phòng C1 về TTXH và Công an xã Y tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh LOTUS CLUB tại thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa do chị Nguyễn Thị L2, trú tại: Thôn Q, xã Y, tỉnh Thanh Hóa làm quản lý. Đoàn kiểm tra đã tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu đối với khách đang sử dụng dịch vụ và nhân viên tại cơ sở kinh doanh. Kết quả xét nghiệm có 07 (Bảy) đối tượng dương tính với ma túy gồm: Trịnh Hữu T2, Trịnh Hữu H, Lê Quốc V, Vũ Tuấn L, Trịnh Văn L1, Bùi Văn T4, Thiều Văn N.

Tài liệu đồ vật thu giữ: Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu giữ 17 (Mười bảy) chiếc cốc thuỷ tinh của quán L4 tại bàn uống nước mà các đối tượng sử dụng để phục vụ quá trình điều tra, xác minh.

Ngày 25/02/2026, Thiều Văn N, Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 đã có đơn xin đầu thú và khai nhận về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình như

sau:

Khoảng 17 giờ ngày 24/02/2026, Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2, Lê Quốc V, Trịnh Văn L1, Vũ Tuấn L, Thiều Văn N, Bùi Văn T4, Trịnh Ngọc N1 gặp nhau tại đám cưới ở thôn D, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên Thiều Văn N hỏi Trịnh Hữu H có chỗ nào sử dụng ma tuý không, H trả lời là để H hỏi xem. Tại đám cưới, H gặp nói chuyện và hỏi Trịnh Hữu T2 có biết chỗ nào bán ma tuý không mua giúp H 02 chỉ "ke" và 06 viên "kẹo", T2 đồng ý. Qua mạng xã hội "Telegram", T2 liên hệ với một tài khoản người dùng có tên "Cu Beo" để hỏi mua ma tuý, "Cu Beo" báo giá 02 chỉ "ke" và 06 viên "kẹo" là 9.500.000đ, T2 thông tin lại cho H. H bảo Thiều Văn N chuyển vào số tài khoản 1361995666 thuộc Ngân hàng T7 cho H 5.000.000đ nhưng N chỉ chuyển 4.500.000đ. Sau khi nhận được tiền, H đã chuyển cho T2 9.500.000đ. Nhận được tiền, thông qua mã QR mà "Cu Beo" cung cấp, T2 đã chuyển khoản cho "Cu Beo" số tiền 9.500.000đ. Sau đó, T2 mượn chiếc xe mô tô Honda Vision, màu bạc, BKS: 36AE-299.35 của anh Trần Hữu H3, trú tại: Thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, một mình điều khiển xe mô tô đi lấy ma tuý. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, "Cu Beo" nhắn tin cho T2 qua ứng dụng Telegram trên điện thoại bảo gói ma tuý màu trắng để ở chân C thuộc xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. T2 lấy được gói ma tuý và gọi điện hỏi H ở đâu thì H trả lời đang ở đám cưới nhà trai. T2 đi về và đưa gói ma tuý cho H trước cổng rạp đám cưới.

H mở gói ma tuý ra lấy ra 01 viên "kẹo" và bẻ đôi đưa cho T2 1/2 viên, T2 cầm nửa viên ma tuý đi vào bên trong rạp đám cưới tìm nước lọc để sử dụng bằng cách cho ma tuý vào miệng uống nước lọc để nuốt ma tuý, H cũng tự sử dụng 1/2 viên "kẹo". H gọi Thiều Văn N ra và đưa cho Thiều Văn N 01 viên "kẹo".

Sau đó, H lần lượt gọi Bùi Văn T4, Lê Quốc V, Trịnh Văn L1, Vũ Tuấn L và Trịnh Ngọc N1 ra và đưa cho mỗi người 1/2 viên "kẹo", số ma tuý còn lại Hoàng gói lại đưa cho T2 giữ. Thiều Văn N, Bùi Văn T4, Lê Quốc V, Trịnh Văn L1, Vũ Tuấn L đã tự sử dụng một mình số ma tuý mà H đưa cho, Trịnh Ngọc N1 không sử dụng ma tuý mà vứt đi. Sau đó Trịnh Hữu H, Thiều Văn N, Bùi Văn T4, Lê Quốc V, Trịnh Văn L1, Vũ Tuấn L và Trịnh Ngọc N1 rủ nhau đi đến quán L4 để uống bia và nghe nhạc, T2 điều khiển xe mô tô trả cho Trần Hữu H3 rồi bắt taxi đến sau. Tại quán L4, H bảo T2 đưa cho H 1/2 viên "kẹo" và H đã một mình sử dụng bằng hình thức cho vào miệng và nuốt. Đến khoảng 00 giờ cùng ngày, Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma tuý, Phòng C1 về TTXH Công an tỉnh T phối hợp với Công an xã Y tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh LOTUS CLUB và xét nghiệm nhanh chất ma tuý đối với nhân viên và khách hàng đang sử dụng dịch vụ ở đây. Khi đến lượt T2 vào nhà vệ sinh lấy mẫu nước tiểu phục vụ việc xét nghiệm, thấy đông người lộn xộn, lợi dụng sơ hở, T2 đã mở gói ma tuý đổ hết số ma tuý còn lại vào bồn cầu rồi xả nước.

Quá trình điều tra xác định, Thiều Văn N có mục đích góp tiền để H mua ma tuý cho bản thân N và H cùng sử dụng. Việc H nhờ ai mua ma tuý thì N không biết. Sau khi mua được ma tuý thì H tự ý đưa cho Trịnh Hữu T2, Trịnh Ngọc L3, Vũ Tuấn L, Trịnh Ngọc N1, Lê Quốc V và Bùi Văn T4 sử dụng thì N1 cũng không biết và N1 không có mối quan hệ quen biết từ trước với những người này. Trịnh Hữu T2

khai nhận đi mua hộ ma tuý về cho H để bản thân và H sử dụng, T2 không quen biết Thiều Văn N, không biết H và N bàn nhau góp tiền mua ma túy và không biết H đưa ma tuý cho những ai sử dụng.

Trong quá trình điều tra, Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời tự nguyện giao nộp các vật chứng sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, màu xanh; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 15 Pro, màu xanh dương; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng.

Ngày 25/02/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chất ma tuý trong mẫu nước tiểu và 17 (Mười bảy) chiếc cốc thuỷ tinh đã thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 1308/KL-KTHS ngày 05/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

- Không tìm thấy chất ma tuý trong 08 (Tám) cốc thuỷ tinh của thùng xốp ghi "B7" và 09 (Chín) cốc thuỷ tinh của thùng xốp ghi "B8" niêm phong gửi giám định.

- Tìm thấy chất ma tuý, loại: MDMA, Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Trịnh Hữu H, Bùi Văn T4, Lê Quốc V, Vũ Tuấn L, Trịnh Văn L1, Thiều Văn N niêm phong gửi đến giám định;

- Tìm thấy chất ma tuý, loại: MDMA, Methamphetamine, Ketamine trong mẫu nước tiểu của Trịnh Hữu T2 niêm phong gửi đến giám định.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chiếc điện thoại thu giữ của Trịnh Hữu T2.

Tại Bản kết luận giám định số: 2289/KL-KTHS ngày 15/5/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Kết quả khai thác dữ liệu trên ĐTDĐ iPhone 8 Plus, màu vàng là điện thoại của Trịnh Hữu T2.

- Tìm thấy 827 (tám hai bảy) cuộc gọi; 3380 (ba ba tám không) tin nhắn Facebook Messenger, 58 (năm tám) tin nhắn Message, 444 () tin nhắn Zalo từ ngày 18/02/2026 đến ngày 25/02/2026 trong điện thoại gửi giám định Thể hiện trong Phụ lục.

- Điện thoại không cài đặt ứng dụng WeChat

- Không trích xuất được tin nhắn Telegram trong điện thoại gửi giám định.

Qua kiểm tra kết quả, các dữ liệu không có nội dung liên quan đến các hành vi phạm tội của Trịnh Hữu T2.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, màu xanh, số sê-ri: WM7YQQH7GY, gắn sim số: 039485581; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 15 Pro, màu xanh dương, số máy: MTQQ3LL/A, số sê-ri: FPLWL9LYV1,

gắn sim số 0353361995; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng, gắn sim số 0966015322 hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Phân trại tạm giam T8, Công an tỉnh T.

- 17 (Mười bảy) chiếc cốc thuỷ tinh thu giữ tại quán L4 do chị Nguyễn Thị L2 làm quản lý. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 36AE-299.35, Trịnh Hữu T2 sử dụng để đi mua ma túy. Cơ quan điều tra xác định, chiếc xe là của anh Trần Hữu H3, anh H3 cho T2 mượn, nhưng không biết T2 sử dụng phương tiện vào mục đích phạm tội, nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với Trịnh Ngọc L3, Vũ Tuấn L, Lê Quốc V, Bùi Văn T4 được Trịnh Hữu H cho ma tuý và đã tự sử dụng mà không tham gia sức để đưa ma tuý vào cơ thể người khác, cũng không thuộc diện quản lý người nghiện ma tuý, người quản lý sau cai nghiện ma tuý, người sử dụng trái phép chất ma tuý, nên Cơ quan điều tra không xử lý các đối tượng trên về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma* và tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Đối với Trịnh Ngọc N1 được H đưa ma tuý cho sử dụng nhưng N1 không sử dụng mà vứt đi, N1 cũng không tham gia giúp sức để đưa ma tuý vào cơ thể người khác, nên Cơ quan điều tra không xử lý N1 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Việc Trịnh Hữu H sử dụng ma tuý tại quán L4 do chị Nguyễn Thị L2 làm quản lý, nhưng chị L2 không biết, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L2.

Đối với người có tài khoản mạng xã hội "Telegram" tên "Cu Beo", Trịnh Hữu T2 đã liên hệ để mua bán ma tuý. T2 không biết lai lịch của người này, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh.

Số tài khoản Trịnh Hữu T2 chuyển tiền để mua ma tuý là của anh Hà Văn K, trú tại: Thôn X, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Anh khai báo, tối ngày 24/02/2026, khi anh K đang ngồi uống nước tại Quảng trường Bà T5, xã Y, tỉnh Thanh Hóa thì có người đàn ông nhờ anh K đổi tiền chuyển khoản để lấy tiền mặt, sau khi nhận được tiền vào tài khoản thì anh K đã đưa tiền mặt cho người này. Do trời tối nên anh K không nhớ đặc điểm của người này, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh.

Cáo trạng số 47/CT-VKSKV8 ngày 20/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa, truy tố bị cáo Trịnh Hữu H về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Hữu T2 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Thiều Văn N về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình

sự đối với bị cáo Trịnh Hữu H; điểm h khoản 2 Điều 255 đối với Trịnh Hữu T2; khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với Thiều Văn N. Áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo,

+ Xử phạt cáo Trịnh Hữu H từ 08 *(T6)* năm đến 08 *(T6)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu T2 từ 08 *(T6)* năm đến 08 *(T6)* năm 04 *(Bốn)* tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Thiều Văn N từ 04 *(Bốn)* năm đến 04 *(Bốn)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù;

+ Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

T2 tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 (Ba) điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn nhận tội; không có ý kiến tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp để có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt và sớm hoà nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N thành khẩn nhận, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 24/02/2026, Thiều Văn N rủ Trịnh Hữu H mua ma túy để cùng sử dụng, theo đó N đã góp 4.500.000đ và Hoàng góp 5.000.000đ để mua ma túy. Sau đó, H đã chuyển khoản cho Trịnh Hữu T2 9.500.000đ nhờ mua ma túy, T2 đồng ý và liên hệ với một người có tài khoản mạng xã hội "Telegram" tên "CuBeo" mua được 02 chỉ "ke" và 06 viên "kẹo" rồi đưa cho H. Sau khi có được ma túy, bản thân Hoàng

tự sử dụng hết 01 viên "kẹo" và chia cho Thiều Văn N 01 viên "kẹo", rồi lần lượt chia từng người gồm: Trịnh Hữu T2, Bùi Văn T4, Lê Quốc V, Trịnh Văn L1, Vũ Tuấn L và Trịnh Ngọc N1 mỗi người 1/2 viên "kẹo" để sử dụng. Số ma tuý còn lại H giao Tuyên giữ, khi bị lực lượng chức năng kiểm tra tại quán L4 thì T2 đã đổ vào bồn cầu rồi xả nước nên không thu giữ được. Việc N1 và H góp tiền mua ma túy chỉ có N1 và H biết; việc H nhờ T2 mua túy chỉ có H và T2 biết; việc H đưa cho các đối tượng khác sử dụng thì chỉ có H và người nhận ma túy biết.

Tại bản Kết luận giám định số 1308/KL-KTHS ngày 05/3/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Tìm thấy chất ma tuý, loại: MDMA, Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Trịnh Hữu H, Thiều Văn N và các đối tượng sử dụng chất ma túy do Hoàng cung C; Tìm thấy chất ma tuý, loại: MDMA, Methamphetamine, Ketamine trong mẫu nước tiểu của Trịnh Hữu T2.

Như vậy, Trịnh Hữu H đã có hành vi cung cấp chất ma túy cho từ 02 người trở lên sử dụng; Trịnh Hữu T2 cung cấp chất ma túy cho H sử dụng, T2 đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm"; Thiều Văn N cung cấp ma túy cho H sử dụng. Do đó, hành vi của H đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung "Đối với 02 người trở lên" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS; Hành vi của T2 đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 của BLHS; hành vi của N đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định khoản 1 Điều 255 của BLHS;

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa truy tố bị cáo Trịnh Hữu H về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Trịnh Hữu T2 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Thiều Văn N về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong nhân dân. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Các bị cáo Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N cố ý cùng thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, Trịnh Hữu H là đồng phạm với Thiều Văn N và đồng phạm với Trịnh Hữu T2, nhưng Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N không phải là đồng phạm của nhau. Trong các quan hệ đồng phạm trên, H là người thực hành tích cực, gom tiền mua ma túy, nhờ người mua ma túy, phân phát ma túy cho người khác sử dụng nên H có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo khác. Thiều Văn N và

Trịnh Hữu T2 có vai trò thứ hai trong từng quan hệ đồng phạm với H và phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo H.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị :

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 đều thành khẩn khai báo, nhưng không biết ăn năn hối cải; bị cáo Thiều Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện đầu thú; g bị cáo H đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự được xuất ngũ trở về địa phương, tích cực ủng hộ các gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn vào dịp lễ tết được UBND xã Đ xác nhận, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Hữu H đã bị kết án tại Bản án số 23/2024/HS-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (nay là TAND vực Hóa), chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thiều Văn N và Trịnh Hữu T2 không phải chịu tình tiết nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo H và T2 đã bị kết án nhưng không chịu tu chí làm ăn mà tiếp tục phạm tội; bị cáo Thiều Văn N là người sử dụng ma túy. Các bị cáo phạm tội về ma túy, từ nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng. Như vậy, các bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nên áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội về ma tuý, nhưng không có việc làm và thu nhập ổn định, nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Các bị cáo Trịnh Hữu H và Trịnh Hữu T2, ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy còn có hành vi cất giữ chất ma túy, có dấu hiệu của tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không thu giữ được chất ma túy các bị cáo cất giữ nên không có cơ sở để xem xét.

[8]. Đối với Trịnh Ngọc L3, Vũ Tuấn L, Lê Quốc V, Bùi Văn T4 được Trịnh Hữu H cho ma tuý và đã tự sử dụng, không sức để đưa ma tuý vào cơ thể người khác, cũng không thuộc diện quản lý người nghiện ma tuý, người quản lý sau cai nghiện ma tuý, người sử dụng trái phép chất ma tuý, nên Cơ quan điều tra không xử lý các đối tượng trên về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma* và tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*. Trịnh Ngọc N1 không sử dụng chất ma túy và không tham gia giúp sức để đưa chất ma tuý vào cơ thể người khác, nên Cơ quan điều tra không xử lý N1 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý"* là đúng quy định.

Trịnh Hữu H đã sử dụng ma tuý trong cơ sở kinh doanh của chị Nguyễn Thị L2, nhưng chị L2 không biết, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L2 là đúng quy định.

Đối với người có tài khoản mạng xã hội "Telegram" tên "Cu Beo", Trịnh Hữu

T2 đã liên hệ để mua ma túy. T2 không biết lai lịch của người này, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh, nên không xem xét.

[9]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với số vật chứng gồm: 03 (Ba) điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với các vật chứng, tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý gồm: 17 (Mười bảy) chiếc cốc thủy tinh thu giữ tại quán L4, không liên quan đến tội phạm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, nên không xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án và không thuộc trường hợp không phải chịu án phí hoặc được miễn án phí, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Hữu H, Trịnh Hữu T2 và Thiều Văn N phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Hữu H; điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Hữu T2; khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với Thiều Văn N. Căn cứ điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Hữu H,

- Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu H 08 *(Tám)* năm 03 *(Ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/02/2026.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu T2 08 *(T6)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/02/2026.

- Xử phạt bị cáo Thiều Văn N 04 *(B)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/02/2026.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số vật chứng gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, màu xanh, số sê-ri: WM7YQQH7GY, gắn sim số: 0394855811;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 15 Pro, màu xanh dương, số máy: MTQQ3LL/A, số sê-ri: FPLWL9LYV1, gắn sim số 0353361995;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 8 Plus, màu vàng, gắn sim số 0966015322.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Phân trại tạm giam Thanh Hóa, Công an tỉnh T theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 12/6/2026.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Viết Tám

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Trung Tuyến **Lê Doãn Quế** **Lê Viết Tám**